

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Hồng D; quê quán: Thôn G, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn (chị Đoàn Thị Hồng D) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 05 tháng 4 năm 2010. Anh chị chung sống hòa

thuận với nhau được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng, tháng 5 năm 2013, chị D bỏ về sống cùng với bố mẹ đẻ của chị ở thôn G, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng; anh chị sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị D yêu cầu được ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị nhận nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài yêu cầu ly hôn, nhận trực tiếp nuôi con, chị D không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Nguyễn Văn Đ) thường xuyên vắng mặt tại gia đình và địa phương; Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của anh Đ. Ngày 26 tháng 11 năm 2017, anh Đ có văn bản xác nhận, đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của chị D và đồng ý với ý kiến của chị D nêu trong thông báo. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ khai, do anh làm ăn thua lỗ, vỡ nợ, chị D không muốn cùng anh trả nợ nên anh chị mâu thuẫn. Anh không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị D đã được nêu trong thông báo thụ lý vụ án.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Đ mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên anh chị thường cãi nhau. Vì mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 5 năm 2013, chị D bỏ về thôn G, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng sống cùng với bố mẹ đẻ, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị có một con chung là Nguyễn Bảo Nhi, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010; vì anh Đ không có việc làm ổn định, thường xuyên vắng nhà, để bảo đảm quyền lợi của con, Tòa án nên giao con của anh chị cho chị D là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa, chị D khai đang làm việc tại Công ty TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL VIETNAM tại huyện T, thành phố Hải Phòng với mức lương ổn định, trung bình là 7.000.000 đồng một tháng nên chị đủ điều kiện trực tiếp nuôi con và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Đ vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng. Phiên tòa được mở đúng thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đoàn Thị Hồng D được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; giao con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 cho chị D trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với anh Đ. Các đương sự không có tài sản và nợ chung nên không phải giải quyết. Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình (ly hôn, tranh chấp về nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Đ) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Đ; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập từ ngày 05 tháng 4 năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài dẫn đến việc chị D đưa con về thôn G, xã H sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của chị và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2013 đến nay. Lời khai của chị D về mâu thuẫn vợ chồng, về thời

gian anh chị sống ly thân hoàn toàn phù hợp với nội dung xác minh tại địa phương. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, cần chấp nhận và xử cho chị được ly hôn anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Các đương sự có một con chung là Nguyễn Bảo Nhi, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010. Từ khi chị D, anh Đ sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị D là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của anh Đ và cháu Nhi; chị D đang có việc làm ổn định, với mức lương trung bình 7.000.000 đồng một tháng; để ổn định tâm lý và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con Nguyễn Bảo N cho chị D trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng cho con: Vì chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tài sản và nợ chung nên không phải giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Hồng D, xử cho chị Đoàn Thị Hồng D được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị Hồng D trực tiếp nuôi con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Hồng D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011045 ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên